



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐINH HOÀNG VŨ LÂM

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY
BẰNG TÀI SẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM –
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 60.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Đà Nẵng

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LÂM CHÍ DŨNG

Phản biện 1: TS. Nguyễn Ngọc Anh

Phản biện 2: TS. Nguyễn Phú Thái

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Tài chính ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.



MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngân hàng thương mại là định chế tài chính trung gian quan trọng vào loại bậc nhất trong nền kinh tế thị trường. Nhờ hệ thống định chế tài chính trung gian này mà các nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội sẽ được huy động đồng thời sử dụng số vốn đó để cấp tín dụng cho các tổ chức kinh tế, cá nhân. Sự có mặt của Ngân hàng thương mại trong hầu hết các mặt hoạt động của nền kinh tế xã hội đã chứng minh rằng: ở đâu có một hệ thống Ngân hàng thương mại phát triển thì ở đó sẽ có sự phát triển với tốc độ cao của nền kinh tế - xã hội. Nhận thức được vị trí và vai trò đó, các Ngân hàng thương mại ở nước ta đang từng bước khẳng định sự lớn mạnh của mình trên mọi phương diện hoạt động, đặc biệt là hoạt động cho vay nhằm phục vụ đắc lực cho sự phát triển của ngành, các lĩnh vực khác trong nền kinh tế. Tuy nhiên, bản thân nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro trong đó rủi ro tín dụng là loại rủi ro lớn và phức tạp nhất có tính lan truyền và để lại hậu quả to lớn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế quốc dân. Vì thế, để nâng cao chất lượng tín dụng trong cho vay, bảo đảm an toàn thu hồi vốn và lãi đúng hạn, Ngân hàng thường áp dụng hàng loạt các biện pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro. Trong đó, công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản có vai trò rất lớn, giảm thiểu rủi ro và tổn thất cho Ngân hàng khi khách hàng vì một lý do nào đó mà không thanh toán được khoản nợ đến hạn.

Tuy nhiên, hiện nay, công tác bảo đảm tiền vay tại các Ngân hàng thương mại của Việt Nam nói chung và tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng nói riêng vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại đã ảnh hưởng không ít đến hiệu



quả kinh doanh của Ngân hàng cũng như sự phát triển ổn định của nền kinh tế. Vì thế, tác giả chọn đề tài "Hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng" để làm đề tài nghiên cứu nhằm nhìn nhận và đánh giá lại công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản trong thời gian qua để từ đó đề xuất ra những khuyến nghị thích hợp góp phần hoàn thiện công tác này của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam nói chung và Chi nhánh Đà Nẵng nói riêng trong thời gian đến.

2. Mục tiêu của đề tài

Phân tích công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Từ đó, đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

Từ những mục tiêu trên, các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra để giải quyết như sau:

- Rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay liên quan gì đến những đặc trưng của hoạt động cho vay?
- Nội dung của công tác bảo đảm tiền vay là gì?
- Tiêu chí đánh giá công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản là gì?
- Những nhân tố ảnh hưởng đến công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản?
- Thực trạng công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng từ năm 2014 đến năm 2016?
- Những mặt thành công và những vấn đề còn hạn chế trong công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp



và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng?

- Cần đề xuất những khuyến nghị gì nhằm hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng?

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu:

Hoạt động thu thập, đánh giá thông tin và thẩm định tài sản bảo đảm, quản lý tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

Đối tượng nghiên cứu nói trên liên quan đến:

+ Phòng Khách hàng Doanh nghiệp, Phòng Khách hàng cá nhân tại Chi nhánh Hội sở và 14 Chi nhánh loại 2 trực thuộc: Chi nhánh Quận Liên Chiểu, Chi nhánh Quận Thanh Khê, Chi nhánh Quận Sơn Trà, Chi nhánh Quận Cẩm Lệ, Chi nhánh Quận Ngũ Hành Sơn, Chi nhánh Ông Ích Khiêm, Chi nhánh Huyện Hòa Vang, Chi nhánh Chợ Mới, Chi nhánh Chợ Cồn, Chi nhánh Khu công nghiệp Đà Nẵng, Chi nhánh Khu công nghiệp Hòa Khánh, Chi nhánh Tân Chính, Chi nhánh Đồng Đa Chi nhánh Chi Lăng và 20 phòng giao dịch trực thuộc chi nhánh trên địa bàn.

+ Phòng Pháp chế, Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ.

+ Khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến công tác bảo đảm tiền vay: Tòa án, Thi hành án, Cơ quan đăng ký tài sản tại các cấp Thành phố, quận huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- ***Phạm vi nghiên cứu:*** Phân tích các vấn đề liên quan đến công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

+ Phạm vi về nội dung: Đề tài chỉ tập trung phân tích, đánh giá



đến công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác này tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam nói chung và Chi nhánh Đà Nẵng nói riêng.

+ Phạm vi về không gian: Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam nói chung và Chi nhánh Đà Nẵng.

+ Phạm vi về thời gian: Việc khảo sát, đánh giá thực trạng chỉ tập trung trong khoảng thời gian từ năm 2014-2016.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp thu thập, đọc, tổng quan tài liệu; thực hiện đối chiếu, phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin để chuẩn bị nội dung cơ sở lý luận về công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại các Ngân hàng thương mại.

- Phần khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

Nguồn dữ liệu được thu thập chủ yếu bằng cách:

+ Phỏng vấn chuyên sâu: Tác giả sẽ thực hiện phỏng vấn chuyên sâu các đối tượng, bao gồm cán bộ tín dụng Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Phòng Khách hàng cá nhân, Phòng pháp chế, Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến công tác bảo đảm tiền vay và khách hàng vay vốn nhằm nhận diện các vấn đề thực tại trong công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.



+ Thu thập thông tin, số liệu và các tài liệu liên quan từ Phòng Kế hoạch Nguồn vốn như dư nợ cho vay có tài sản bảo đảm theo từng loại tài sản, dư nợ cho vay có tài sản bảo đảm theo các hình thức cầm cố, thế chấp, tài sản hình thành trong tương lai, bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba, kết quả phân loại nợ của dư nợ cho vay có bảo đảm bằng tài sản, tỷ lệ thu hồi nợ xấu có tài sản bảo đảm....

+ Trên cơ sở nguồn dữ liệu thứ cấp, tác giả sử dụng phương pháp so sánh, thống kê mô tả, phân tích dữ liệu số liệu các năm thuộc thời gian nghiên cứu để thấy rõ được thực trạng công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

- Phần giải pháp: Sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, suy luận logic, tổng kết để kiểm chứng thực tiễn, thể hiện tính nhất quán giữa kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn và các giải pháp đề xuất.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản của Ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Chương 3: Khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài: *“Hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển*



nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng”, tác giả đã thu thập, tìm hiểu và tham khảo một số bài báo khoa học, luận văn thạc sỹ đã được công bố có nội dung tương tự làm nền tảng cho quá trình hoàn thành luận văn như sau:

*** Các bài báo trên các tạp chí khoa học**

- Bài viết “Khó khăn vướng mắc trong nhận tài sản bảo đảm cản trở nợ hiện nay” của tác giả Thạc sỹ Nguyễn Thị Thu Thu, Thạc sỹ Nguyễn Văn Thọ, Thạc sỹ Nguyễn Ngọc Linh, Tạp chí Ngân hàng số 12.

- Bài viết “Một số góp ý cho dự thảo nghị định về giao dịch bảo đảm: Góc nhìn từ thực tiễn cấp tín dụng có bảo đảm” của tác giả Luật sư Tiến sỹ Bùi Đức Giang và Trần Quang Vinh, Tạp chí Ngân hàng số 21.

- Bài viết “Xác lập biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo Bộ Luật dân sự 2015” của tác giả Luật sư Tiến sỹ Bùi Đức Giang, Tạp chí Ngân hàng số 18.

- Bài viết “Định giá bất động sản thế chấp tại Ngân hàng: Những tồn tại và đề xuất” của tác giả Thạc sỹ Trần Thị Bích Nhân, Tạp chí Tài chính số tháng 8.

Các tạp chí Phát triển kinh tế, Kinh tế phát triển, Khoa học và công nghệ, Khoa học kinh tế chưa có bài viết nào được công bố có liên quan đến hoạt động bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại các Ngân hàng thương mại trong 2 năm gần đây.

*** Các luận văn thạc sỹ được công bố tại trường Đại học kinh tế có liên quan đến đề tài nghiên cứu:**

- Luận văn “Hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hải Vân” của tác giả Hồ Hưng Nghiệp.



- Luận văn “Hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phù Mỹ Bình Định” của tác giả Huỳnh Lê Trang, năm 2015.

- Luận văn “Hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk” của tác giả Đỗ Quang Điệp.

- Luận văn “Hoàn thiện công tác thẩm định giá tài sản bảo đảm trong hoạt động cho vay tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng” của tác giả Ngô Huy Bảo.

Tuy nhiên, có rất nhiều ngân hàng đã được chọn để nghiên cứu về công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản nhưng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng thì chưa từng được thực hiện nghiên cứu. Ngoài ra khoảng trống về mặt pháp lý đối với các loại tài sản như quyền sử dụng đất trong trường hợp quyền sử dụng đất được thu hồi không đầy đủ chưa được các đề tài trên xem xét đánh giá. Do đó nhìn nhận những khoảng trống về không gian cũng như các khoảng trống về pháp lý nói trên sẽ được tác giả nghiên cứu để hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay tại đơn vị tác giả công tác.



CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY VÀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Tổng quan về hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

a. Khái niệm hoạt động cho vay

b. Phân loại cho vay

c. Đặc trưng hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

Thứ nhất, hoạt động cho vay có hình thái tiền tệ.

Thứ hai, bản chất của hành vi cho vay là ứng trước cho khách hàng.

Thứ ba, đối tượng, kỹ thuật cho vay phong phú.

1.1.2. Rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

a. Khái niệm rủi ro tín dụng

*b. Tác động của rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay
của Ngân hàng*

1.2. BẢO ĐẢM TIỀN VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Khái niệm về bảo đảm tiền vay

1.2.2. Chức năng của bảo đảm tiền vay

Thứ nhất, bảo vệ quyền lợi của Ngân hàng

Thứ hai, bảo đảm tiền vay nâng cao trách nhiệm của khách hàng trong quan hệ tín dụng

Thứ ba, bảo đảm tiền vay góp phần khắc phục sai sót nghiệp vụ



trong quá trình cấp tín dụng Ngân hàng.

1.2.3. Các hình thức bảo đảm tiền vay

a. Bảo đảm tiền vay không bằng tài sản

b. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản

1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1. Thu thập, đánh giá thông tin

Chất lượng thông tin thể hiện ở các thuộc tính: đầy đủ, kịp thời, chính xác, đó là thông tin chất lượng và hữu ích trong quá trình thẩm định.

1.3.2. Thẩm định tài sản bảo đảm và định giá tài sản bảo đảm

a. Căn cứ để thẩm định

b. Nội dung thẩm định

Thẩm định tính pháp lý của tài sản

Thẩm định hiện trạng tài sản bảo đảm

Thẩm định khả năng phát mại của tài sản

Xác định giá trị tài sản bảo đảm và xác định mức cho vay trên tài sản bảo đảm

1.3.3. Ký kết hợp đồng bảo tiền vay

1.3.4. Quản lý tài sản bảo đảm

1.3.5. Xử lý tài sản đảm tiền vay

- Bán tài sản bảo đảm

- Nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

- Bên nhận bảo đảm nhận các khoản tiền hoặc tài sản khác từ người thứ ba trong trường hợp thế chấp quyền đòi nợ.

- Phương thức khác do các bên thỏa thuận.



1.4. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN

1.4.1. Các tiêu chí đánh giá kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng

1.4.2. Các tiêu chí đánh giá năng lực tài trợ rủi ro tín dụng từ tài sản bảo đảm

1.5. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN

1.5.1. Nhân tố bên trong

- Trình độ, đạo đức cán bộ tín dụng thể hiện qua các giai đoạn sau: Giai đoạn thẩm định khách hàng.
Giai đoạn thẩm định tài sản bảo đảm.
Giai đoạn quản lý tài sản bảo đảm.
Giai đoạn xử lý tài sản bảo đảm.
- Chiến lược kinh doanh, mục tiêu của Ngân hàng từng thời kỳ

1.5.2. Nhân tố bên ngoài

- Tư cách và trình độ quản lý hoạt động kinh doanh của khách hàng
- Môi trường pháp lý
- Môi trường kinh tế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã tập trung hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp một số vấn đề lý luận về công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng thương mại. Tác giả đã trình bày về rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay, vai trò và ý nghĩa của bảo đảm tiền vay bằng tài sản, nội dung, tiêu chí đánh giá kết quả công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản và các nhân tố ảnh hưởng đến công tác này. Từ những cơ sở lý luận này, luận văn sẽ nghiên cứu thực trạng công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng
Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà
Nẵng**

**2.1.2. Chức năng nhiệm vụ của Ngân hàng Nông nghiệp
và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng**

a. Huy động vốn

- Khai thác và nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác trong nước và nước ngoài.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu.
- Vay vốn các tổ chức tài chính, tín dụng khác.
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNo.
- Việc huy động vốn có thể bằng vàng và các công cụ khác theo quy định của NHNo.

b. Huy động vốn

Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và các loại cho vay khác theo quy định của NNNo.

c. Kinh doanh ngoại hối

d. Cung ứng các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

- Cung ứng các phương tiện thanh toán
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng
- Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ.



- Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng

e. Các dịch vụ khác

2.1.3. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

2.1.4. Khái quát kết quả hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

a. Hoạt động huy động vốn

b. Hoạt động tín dụng

Bảng 2.2. Dư nợ cho vay giai đoạn

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1. Phân theo loại tiền tệ	5.897	100%	6.475	100%	8.213	100%
- Nội tệ	5.632	95,50%	6.360	98,22%	8.140	99,11%
- Ngoại tệ quy đổi	265	4,50%	115	1,78%	73	0,89%
2. Phân loại theo thành phần kinh tế	5.897	100%	6.475	100%	8.213	100%
- Tổ chức kinh tế	4.305	73%	4.561	70,44%	5.508	67,06%
- Hộ gia đình, cá nhân	1.592	27%	1.914	29,56%	2.705	32,94%
3. Phân theo thời hạn:	5.897	100%	6.475	100%	8.213	100%
- Ngắn hạn	3.926	66,58%	4.176	64,49%	5.233	63,72%
- Trung hạn	770	13,06%	835	12,90%	1.140	13,88%
- Dài hạn	1.201	20,36%	1.464	22,61%	1.840	22,40%

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng)



c. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng thu	1.097	1.095	1.364
Tổng chi (có V1)	917	881	1.108
Lợi nhuận khoán tài chính	180	214	256

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng)

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.2.1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

2.2.2. Thực trạng thực hiện các nội dung của công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Chi nhánh trong thời gian qua

a. Thực trạng hoạt động thu thập, đánh giá thông tin

b. Thẩm định tài sản bảo đảm và định giá tài sản bảo đảm

Thẩm định tính pháp lý tài sản bảo đảm

Tính thanh khoản tài sản bảo đảm.

Xác định giá trị tài sản bảo đảm

c. Ký kết hợp đồng bảo đảm tiền vay và hoàn thành thủ tục

d. Quản lý tài sản bảo đảm

Công tác quản lý tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng thực hiện khá



chặt chẽ, đặc biệt là giấy tờ có giá do Chi nhánh nắm giữ.

f. Xử lý tài sản bảo đảm

Khi người vay thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, ngân hàng sẽ tiến hành các thủ tục để giải chấp tài sản cho khách hàng.

Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo phương thức thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm tiền vay.

2.2.3. Kết quả công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Bảng 2.5. Cơ cấu dư nợ cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo hình thức bảo đảm bằng tài sản

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thế chấp tài sản	3.348	68,24%	3.583	66,48%	4.863	67,64%
Cầm cố	275	5,60%	323	5,99%	405	5,63%
Bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba	1.253	25,53%	1.456	27,01%	1.897	26,38%
Tài sản hình thành trong tương lai	31	0,63%	28	0,52%	25	0,35%
Tổng dư nợ cho vay có bảo đảm bằng tài sản	4.907	100%	5.390	100%	7.190	100%

(Nguồn: Báo cáo hoạt động tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng)



Bảng 2.6. Cơ cấu dư nợ cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo loại tài sản bảo đảm

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	3.926	80,01%	4.249	78,83%	5.837	79,79%
Động sản	501	10,21%	595	11,04%	793	11,03%
Giấy tờ có giá	275	5,60%	323	5,99%	405	5,63%
Tài sản khác	205	4,18%	223	4,14%	255	3,55%
Tổng dư nợ cho vay có bảo đảm bằng tài sản	4.907	100%	5.390	100%	7.190	100%

(Nguồn: Báo cáo hoạt động tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng)

Bảng 2.7. Kết quả công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
- Dư nợ cho vay có bảo đảm bằng tài sản, trong đó:	4.907	5.390	7.190
+ Nhóm 1	4.426	5.264	6.889
+ Nhóm 2	350	110	250
+ Nhóm 3	24	5	27
+ Nhóm 4	20	1	12
+ Nhóm 5	87	10	12





Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
- Tỷ lệ nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 có bảo đảm bằng tài sản	9,8%	3,2%	4.2%
- Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể	1,1%	0,5%	0,4%
- Tỷ lệ thu hồi nợ sau xử lý tài sản	85%	90%	92%
- Tỷ lệ xóa nợ ròng	15%	10%	8%

(Nguồn: Phòng Kế hoạch Nguồn vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng)

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.3.1. Kết quả đạt được

Về cơ sở pháp lý

Chính sách về bảo đảm tiền vay của Ngân hàng luôn được thay đổi theo hướng hoàn thiện hơn

Về phía Chi nhánh: Chất lượng nhân viên ngày càng được nâng cao, đào tạo chuyên nghiệp và bài bản về trình độ chuyên môn.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế

a. Hạn chế

- Các thông tin để làm căn cứ thẩm định khách hàng, về tài sản bảo đảm còn hạn chế, thiếu cơ sở khẳng định tính trung thực khách quan.

- Danh mục các loại tài sản bảo đảm chưa đa dạng, hiện tại chủ yếu tập trung vào quyền sử dụng đất, nhà ở, phương tiện vận



tải, các



loại giấy tờ có giá, sổ tiết kiệm.

- Việc xác định giá trị tài sản bảo đảm mang nặng tính chủ quan, thiếu tính chuyên gia,

- Tỷ lệ cho vay so với giá trị tài sản bảo đảm vẫn chưa được linh hoạt, phù hợp.

- Việc xử lý tài sản bảo đảm gặp nhiều khó khăn do khách hàng chây ì, trốn tránh trách nhiệm.

b. Nguyên nhân

(i) Nguyên nhân bên trong

- Hệ thống thông tin chưa hiệu quả

- Năng lực thẩm định của cán bộ tín dụng chưa cao

- Một số cán bộ có đạo đức nghề nghiệp xuống cấp

- Việc kiểm soát nội bộ đối với công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Chi nhánh do ban lãnh đạo thực hiện.

(ii) Nguyên nhân bên ngoài

Yếu tố cạnh tranh gay gắt giữa các Ngân hàng thương mại:

Quyền ưu tiên xử lý tài sản bảo đảm của các tổ chức tín dụng cũng chưa được đề cao đúng mức

Nguyên nhân từ phía khách hàng

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, luận văn đã nêu khái quát về quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Luận văn đi sâu vào nghiên cứu thực trạng công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Chi nhánh. Cùng với việc phân tích số liệu, chỉ tiêu cụ thể luận văn đã rút ra



những thành công, hạn chế và những nguyên nhân của hạn chế trong công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản.

Trên cơ sở nhận định những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản, luận văn sẽ đưa ra các khuyến nghị nhằm thiện công tác này tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng



CHƯƠNG 3

KHUYẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT KHUYẾN NGHỊ

3.1.1. Định hướng hoàn thiện công tác bảo đảm bằng tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

a. Định hướng chung của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

b. Định hướng hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Mở rộng cho vay có tài sản bảo đảm, hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản nhằm hạn chế nợ xấu phát sinh.

Tiếp tục đa dạng hóa danh mục tài sản bảo đảm

Chú trọng việc kiểm tra tài sản bảo đảm theo định

kỳ Tiếp tục đào tạo cán bộ tín dụng

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan để đánh giá, thẩm định tài sản bảo đảm

Hoàn thiện quy trình bảo đảm tiền vay và cố gắng thực hiện một cách hiệu quả nhất, giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra.

Hoàn thành mục tiêu kiểm soát nợ xấu

3.1.2. Kết luận rút ra từ phân tích thực trạng công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng



3.2. KHUYẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.2.1. Khuyến nghị với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

a. Khắc phục tình trạng thông tin bất cân xứng về khách hàng và tài sản bảo đảm

b. Điều chỉnh cách định giá tài sản bảo đảm hợp lý hơn

Đối với phương pháp so sánh, Chi nhánh cần có cách thức tìm kiếm thông tin thị trường tin cậy, có độ chính xác cao nhằm xây dựng hệ số điều chỉnh giá tài sản so sánh và tài sản bảo đảm cho phù hợp hơn.

Đối với phương pháp chi phí được áp dụng khi định giá công trình xây dựng đang sử dụng và máy móc thiết bị cũ cần có những điều chỉnh.

c. Đa dạng hóa các loại tài sản bảo đảm

Để thực hiện biện pháp trên đòi hỏi các nhân viên tín dụng phải tích cực tìm hiểu và tư vấn cho khách hàng các biện pháp bảo đảm và loại tài sản bảo đảm phù hợp với điều kiện của khách hàng, không nhất thiết phải là thế chấp nhà ở, quyền sử dụng đất thì mới được vay vốn.

d. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm tiền vay trong thời gian nhận bảo đảm

Đa số, tài sản bảo đảm vẫn nằm trong sự quản lý và sử dụng trực tiếp của khách hàng nên việc kiểm tra phải được tiến hành định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các thay đổi của tài sản và những vi phạm hợp đồng, bảo đảm khách hàng sử dụng tài sản bảo đảm một cách hợp lý theo công suất đã thỏa thuận trong hợp đồng



cũng như việc bảo dưỡng tài sản tại vị trí kinh doanh.

e. Kiểm soát các rủi ro trong hoạt động bảo đảm tiền vay bằng tài sản

Đối với trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất, nếu tài sản bảo đảm không được thẩm định kỹ, cập nhật thông tin thường xuyên, Chi nhánh có thể gặp phải rủi ro đất nằm trong khu dự án bị quy hoạch thu hồi sau khi ký hợp đồng tín dụng

f. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng quy trình tuyển dụng, tổ chức và bố trí nhân sự một cách hợp lý nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao

Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn về công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản và tư cách đạo đức của đội ngũ nhân viên

Xây dựng chính sách khen thưởng hợp lý và quy chế trách nhiệm gắn với công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản

3.2.2. Khuyến nghị với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

a. Cập nhật và ban hành chính sách liên quan đến công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản kịp thời

Thứ nhất, trong thời gian qua, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam luôn quan tâm và cập nhật các văn bản điều chỉnh các hoạt động của Ngân hàng và có văn bản hướng dẫn chỉ đạo nhằm thống nhất thực hiện trong toàn hệ thống.

b. Bảo đảm tiền vay chỉ là một biện pháp phòng ngừa rủi ro

Thứ hai, bảo đảm tiền vay bằng tài sản nên được hiểu là toàn bộ quy trình cho vay từ lúc tiếp xúc khách hàng đến lúc khách hàng hoàn trả hết tiền vay cho Ngân hàng.



c. Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ của nhân viên

Trong việc phục vụ khách hàng vay, nhân viên tín dụng không chỉ cần nắm rõ tình hình hoạt động kinh doanh mà còn về tâm lý, thói quen, tính cách của khách hàng, qua đó hiểu và chia sẻ kịp thời với khách hàng những vướng mắc trong quan hệ giữa hai bên.

d. Tổ chức, sắp xếp chuyên môn hóa công việc cho từng nhân viên

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cần tổ chức sắp xếp chuyên môn hóa cho từng nhân viên tránh việc cán bộ tín dụng kiêm nhiệm nhiều công việc trong công tác bảo đảm tiền vay một mặt giảm áp lực cho bộ phận tín dụng, đồng thời giảm tiêu cực giữa khách hàng và cán bộ tín dụng.

e. Tăng cường quản lý, kiểm soát rủi ro trong công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cần xây dựng chính sách quản lý rủi ro trong công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản một cách chặt chẽ bao gồm việc tổ chức quản lý rủi ro, lập các mô hình đo lường và nhận diện kịp thời các loại rủi ro mới phát sinh, từ đó đề xuất các phương án, biện pháp chủ động phòng ngừa, đối phó một khi rủi ro xảy ra.

3.2.3. Khuyến nghị với Ngân hàng Nhà nước

a. Xây dựng hệ thống thanh tra Ngân hàng Nhà nước đủ lớn về số lượng và mạnh về chất lượng

Thứ nhất, Ngân hàng nhà nước là cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và các hoạt động của Ngân hàng.

b. Phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan và các Ngân hàng thương mại để đảm bảo tính thống nhất của các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản Ngân hàng Nhà nước cần chủ động phối hợp một cách thường



xuyên với các cơ quan nhà nước khác như Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên môi trường,... trong việc ban hành các văn bản pháp luật thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay để đảm bảo tính thống nhất, tránh sự chồng chéo không đáng có.

c. Thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả thông tin tín dụng của trung tâm thông tin tín dụng CIC

Thông tin tín dụng nên được cập nhật hàng ngày nhằm đáp ứng yêu cầu về tính kịp thời của các Ngân hàng thay vì 1 tháng/1 lần như hiện nay. Ngân hàng Nhà nước cần quy định việc cung cấp thông tin tín dụng là mang tính bắt buộc đối với mọi Ngân hàng, mọi chi nhánh, phòng giao dịch hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản là yếu tố quan trọng giúp phát huy vai trò của hoạt động này trong việc ngăn ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn trong quá trình cho vay của Chi nhánh. Để thực hiện được mục tiêu trên không chỉ đòi hỏi Chi nhánh phải có giải pháp để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản mà cần có sự phối kết hợp đồng bộ từ phía các cơ quan có thẩm quyền và các Bộ ngành liên quan trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và các thủ tục hành chính trong bảo đảm tiền vay, phát triển hạ tầng thông tin, ổn định thị trường...



KẾT LUẬN

Sự phát triển không ngừng của hoạt động tín dụng, các dịch vụ tiện ích của ngân hàng thương mại đã và đang tạo ra các luồng chảy không ngừng về vốn giúp cho mọi tầng lớp dân cư, các loại hình doanh nghiệp có cơ hội tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển. Trong quá trình kinh doanh của các Ngân hàng, một trong những hoạt động đóng vai trò vô cùng quan trọng chính là quá trình cấp tín dụng thông qua hình thức cho vay vốn.

Sự phát triển của nền kinh tế và xu thế toàn cầu hóa ngày càng mở rộng không chỉ tạo ra cơ hội kinh doanh cho các Ngân hàng mà còn đặt các Ngân hàng trước nhiều rủi ro hơn đặc biệt là rủi ro tín dụng trong lĩnh vực cho vay. Một loạt các biện pháp được Ngân hàng đặt ra để giảm thiểu các rủi ro này, trong đó được áp dụng chủ yếu phải kể đến công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản. Vì thế yêu cầu đặt ra đối với các Ngân hàng là không ngừng nâng cao hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân mà công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò của nó trong việc phòng ngừa rủi ro cho Ngân hàng.

Với đề tài luận văn “HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TIỀN VAY BẰNG TÀI SẢN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG”, người viết đã tổng quan được công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại chi nhánh Đà Nẵng, qua đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác này. Hy vọng đề tài sẽ đóng góp một phần nào đó vào việc hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Chi nhánh Đà Nẵng nói riêng và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam nói chung.

Khoa quản lý chuyên ngành đã kiểm tra và xác nhận:

Tóm tắt luận văn được trình bày theo đúng quy định về hình thức và đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng

Chấp
Lâm Chi' Dg